

VFS MACRO

THÁNG 4/2014

09/05/2014



Số liệu vĩ mô Tháng 4/2014 tiếp tục cho thấy sản xuất tiếp tục xu hướng cải thiện tuy nhiên mức độ cải thiện sản xuất cũng như tăng trưởng chưa cao.

Chỉ số PMI ngành Sản xuất Việt Nam tháng 4/2014 tăng 1.8 điểm so với tháng trước, đạt 53.1 điểm. Đây là tháng thứ 8 liên tiếp lĩnh vực sản xuất trong nước ghi nhận sự cải thiện và là tháng có mức độ cải thiện mạnh nhất trong lịch sử khảo sát

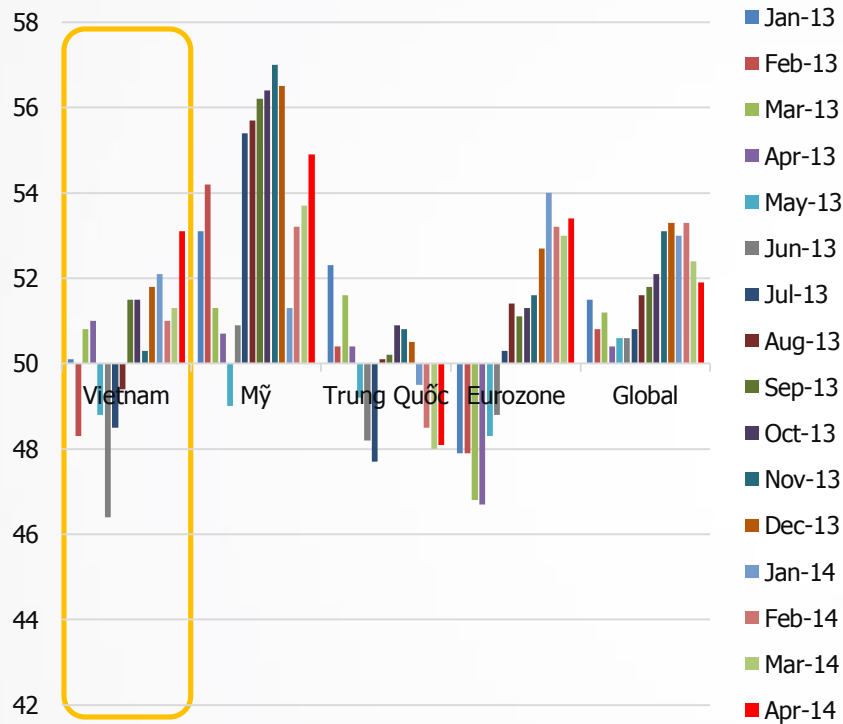
Nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tiếp tục xu hướng tăng kể từ tháng 9/2013. Trong khi xuất khẩu tiếp tục là động lực cho tăng trưởng, giúp cho cán cân thanh toán thặng dư (4 tháng đầu năm xuất siêu 683 triệu USD).

Doanh thu bán lẻ tăng 10.5% so với cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 5.5%, cao hơn mức tăng 4.7% của cùng kỳ 2013.

Môi trường kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, lãi suất liên ngân hàng biến động ở mức thấp. Tỷ giá và thị trường ngoại hối cơ bản ổn định, chênh lệch tỷ giá thị trường tự do và liên ngân hàng thu hẹp.

Tuy nhiên, đầu tư trong nước vẫn chậm cải thiện thể hiện ở tăng trưởng tín dụng còn thấp, tăng trưởng vẫn chủ yếu phụ thuộc vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

CHỈ SỐ PMI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VÙNG LÃNH THỔ



Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Mỹ, khu vực EuroZone tháng này cải thiện với tốc độ mạnh hơn tháng trước. Trong khi đó, hoạt động sản xuất tại Trung Quốc tiếp tục suy giảm tháng thứ 4 liên tiếp.

Chỉ số PMI ngành Sản xuất Việt Nam tháng 4/2014 tăng 1.8 điểm so với tháng trước đạt 53.1 điểm. Đây là tháng thứ 8 liên tiếp lĩnh vực sản xuất trong nước ghi nhận sự cải thiện và là tháng có mức độ cải thiện mạnh nhất trong lịch sử khảo sát

Nhu cầu cải thiện tiếp tục giúp số lượng đơn đặt hàng mới tháng này tăng mạnh tháng thứ 2 liên tiếp và là mức nhanh nhất trong lịch sử chỉ số. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng với tốc độ kỷ lục trong tháng.

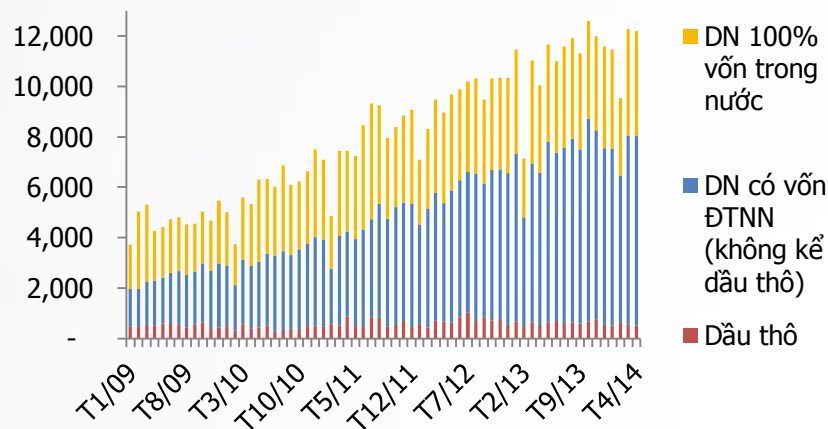
Số lượng đơn đặt hàng mới tăng giúp các công ty gia tăng sản lượng tháng thứ 7 liên tiếp, tốc độ tăng trưởng mạnh lên và chỉ thấp hơn mức kỉ lục được ghi nhận vào tháng 4/2011.

Hoạt động mua hàng hoá đầu vào tăng với tốc độ kỷ lục trong tháng góp phần vào mức tăng lần đầu của tồn kho hàng mua kể từ tháng 10/2013 để đáp ứng kỳ vọng lượng đơn đặt hàng mới sẽ tăng trong các tháng tới.

Tốc độ tăng giá đầu vào gia tăng trở lại trong tháng 4 và nhanh nhất kể từ tháng 9 năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí vận chuyển tăng, xuất phát từ quy định mới của chính phủ. Trong khi đó giá đầu ra tiếp tục giảm tháng thứ 2 liên tiếp.

SỐ LIỆU VĨ MÔ T4/2014

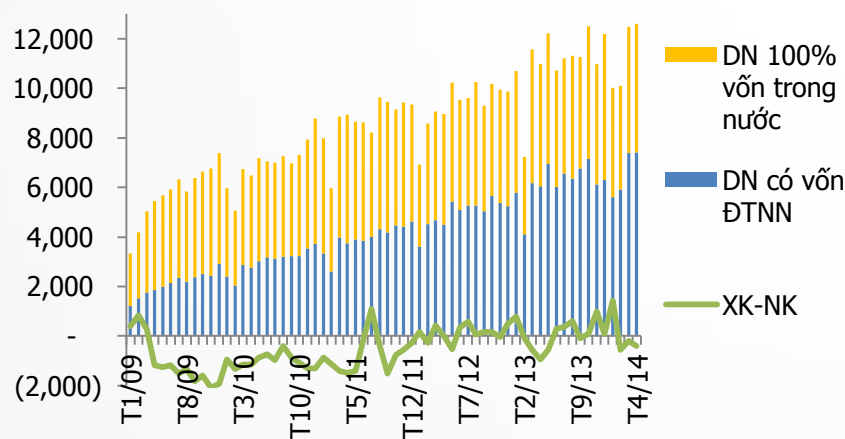
XUẤT KHẨU THEO THÁNG (TRIỆU USD)



Xuất khẩu tháng 4 ước tính đạt 12.2 tỷ USD, giảm 0.6% so với tháng trước và tăng 23.2% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm, xuất khẩu đạt 45.7 tỷ USD, tăng 16.9% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 66.3% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 17.2% so với cùng kỳ. Khu vực kinh tế trong nước chiếm 33.7%, tăng 16.2% so với cùng kỳ.

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực có kim ngạch 4 tháng tăng cao là: Điện thoại các loại và linh kiện (+29.2%); dệt may (+20%); giày dép (+21.9%); thủy sản (+32%)...

NHẬP KHẨU THEO THÁNG (TRIỆU USD)

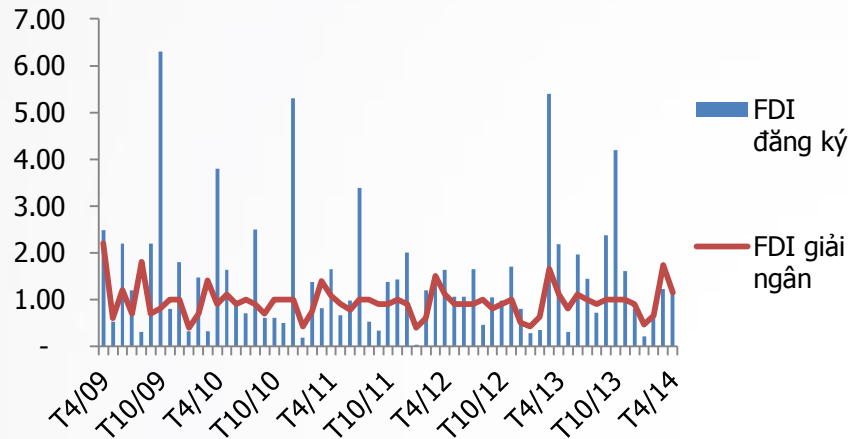


Nhập khẩu tháng 4 ước tính đạt 12.6 tỷ USD, tăng 1% so với tháng trước và tăng 16.1% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm, nhập khẩu ước tính đạt 45.1 tỷ USD, tăng 13.7% so với cùng kỳ.

Một số mặt hàng nhập khẩu lớn có kim ngạch tăng cao 4 tháng đầu năm là máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng (+26.7%), điện tử, máy tính và linh kiện (+4.5%), xăng dầu (+13%), vải (+15.9%)...

Xuất siêu 4 tháng đầu năm ước tính đạt 683 triệu USD bằng 1.5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Xuất siêu chủ yếu nhờ đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

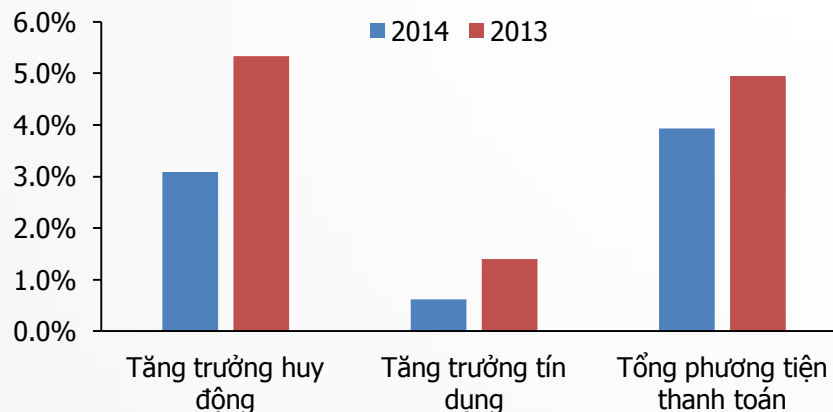
THU HÚT VỐN FDI (TỶ USD)



FDI đăng ký từ đầu năm đến thời điểm 20/04/2014 đạt 3.23 tỷ USD, giảm 34.6% so với cùng kỳ. FDI đăng ký thời gian qua chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (74.3% tổng vốn đăng ký) và kinh doanh bất động sản (8.1%).

FDI giải ngân đến 20/04/2014 ước tính đạt 4 tỷ USD, tăng 6.7% so với cùng kỳ năm 2013.

HUY ĐỘNG & TÍN DỤNG SO VỚI CUỐI NĂM TRƯỚC



Tính đến ngày 22/04/2014, tín dụng toàn hệ thống chỉ tăng trưởng 0.62% so với cuối năm 2013 tổng phương tiện thanh toán tăng 3.93%, huy động vốn cũng tăng 3.09% (theo vụ trưởng vụ chính sách tiền tệ).

Như vậy, tín dụng vẫn tăng trưởng khá chậm, thấp hơn mức 1.4% cùng kỳ năm ngoái. Theo chu kỳ, tín dụng thường bắt đầu tăng từ quý 2, kỳ vọng tốc độ tăng trưởng tín dụng sẽ cải thiện trong thời gian tới.

SỐ LIỆU VĨ MÔ T4/2014

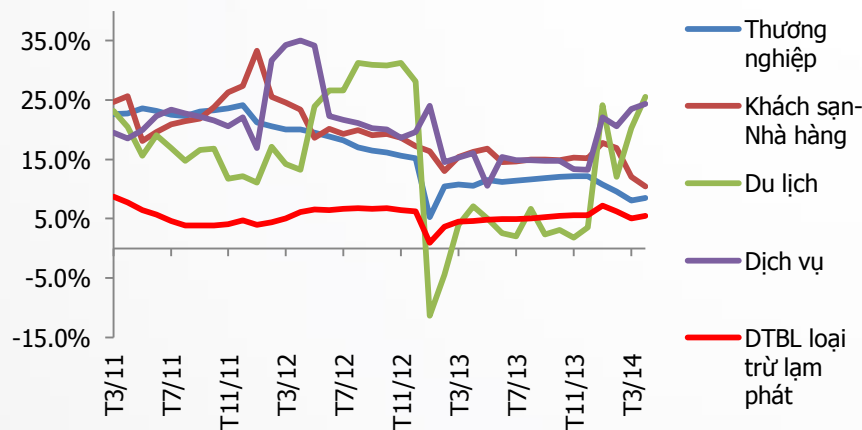
TỒN KHO SO VỚI CÙNG THỜI ĐIỂM NĂM TRƯỚC



Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/04/2014 tăng 13.9% so với cùng thời điểm năm trước, cao hơn mức tăng 13.1% của cùng thời điểm năm trước và 13.4% của cùng thời điểm tháng trước.

Những ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng thời điểm năm trước gồm: Sản phẩm điện tử, máy vi tính (+123.4%), Sản xuất sản phẩm thuốc lá (+68.5%), sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+62%)...

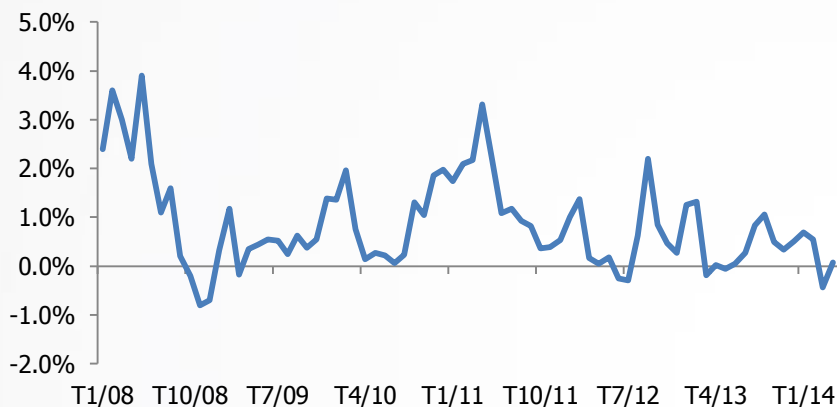
TĂNG TRƯỞNG DOANH THU BÁN LẺ SO VỚI CÙNG KỲ



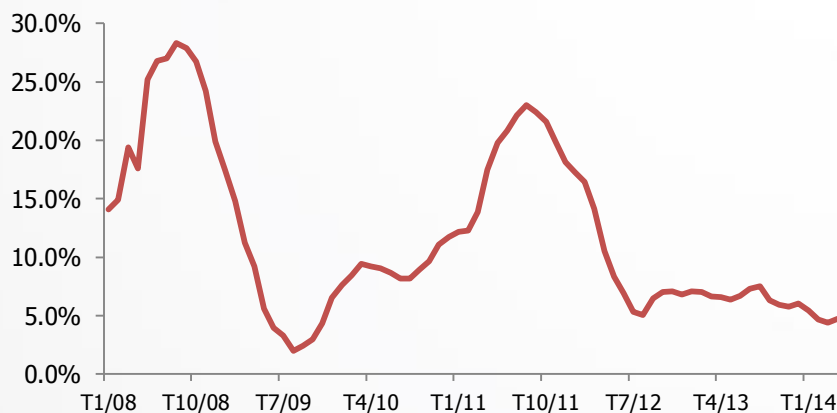
Tổng doanh thu bán lẻ tháng 4 ước tính đạt 238.9 ngàn tỷ, tăng 2.4% so với tháng trước và tăng 11.2% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm, doanh thu bán lẻ tăng 10.5% so với cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 5.5%, cao hơn mức tăng 4.7% của cùng kỳ 2013.

Trong các ngành kinh doanh, doanh thu bán lẻ ngành thương nghiệp chiếm 75.6%, tăng 8.5%; khách sạn nhà hàng chiếm 12%, tăng 10.4%; dịch vụ chiếm 11.4% tăng 24.4%; du lịch chiếm 1%, tăng 25.6%.

TĂNG TRƯỞNG CPI SO VỚI THÁNG TRƯỚC



TĂNG TRƯỞNG CPI SO VỚI CÙNG KỲ (THEO THÁNG)

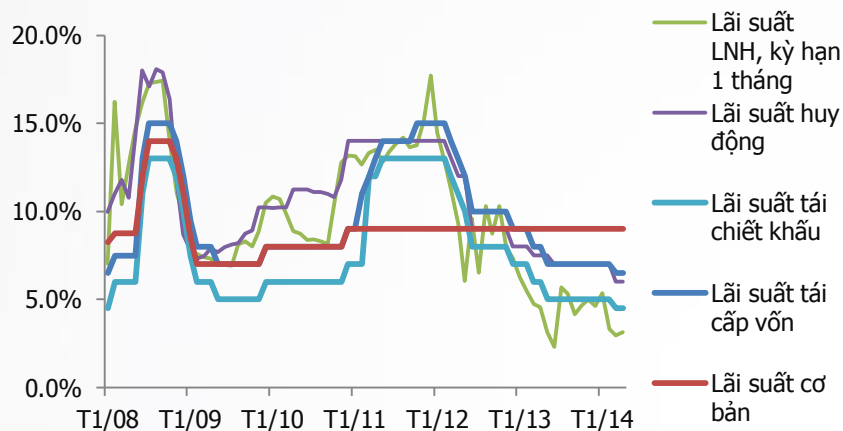


Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2014 tăng 0.08% so với tháng trước, phù hợp với quy luật tiêu dùng cùng kỳ các năm trước.

Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0.15% (Lương thực giảm 0.26%; thực phẩm tăng 0.27%); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0.26%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0.24%; đồ uống và thuốc lá tăng 0.23%; giao thông tăng 0.33%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm gồm: Giáo dục tăng 0.06%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0.04%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0.02%; nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0.56%; bưu chính viễn thông giảm 0.14%

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2014 tăng 0.88% so với tháng 12/2013 và tăng 4.45% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 4 tháng đầu năm nay tăng 4.73% so với bình quân cùng kỳ năm 2013.

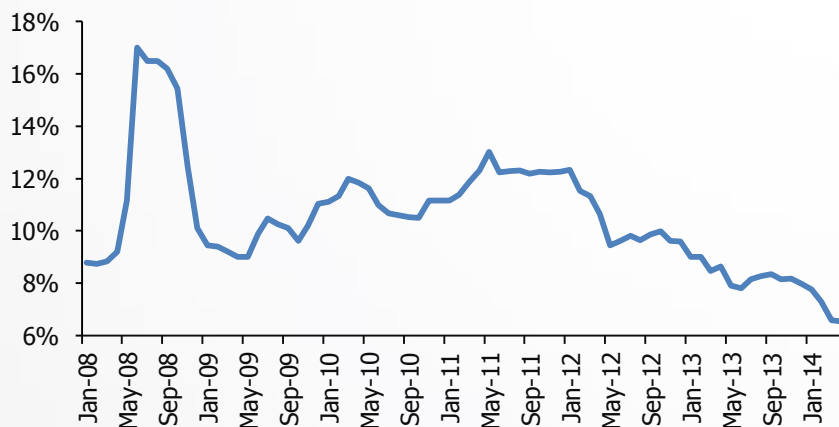
DIỄN BIẾN LÃI SUẤT



Thị trường tiền tệ tiếp tục ổn định trong tháng 4, thanh khoản của các tổ chức tín dụng được đảm bảo, lãi suất liên ngân hàng biến động ở mức thấp.

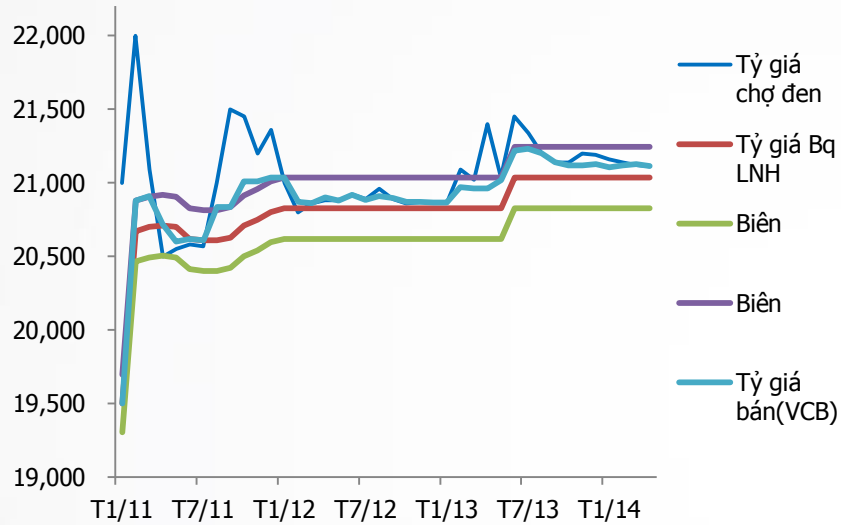
Lãi suất các khoản vay cũ tiếp tục được các tổ chức tín dụng tích cực điều chỉnh giảm, đến ngày 03/04/2014, dư nợ cho vay bằng VNĐ có lãi suất trên 15%/năm chỉ còn chiếm 5.5% tổng dư nợ cho vay VNĐ, giảm mạnh so với tỷ trọng 66% trước thời điểm 15/07/2012, dư nợ cho vay bằng VNĐ có lãi suất trên 13%/năm chiếm 16.62% tổng dư nợ cho vay bằng VNĐ, giảm so với tỷ trọng 31% vào tháng 6/2013.

LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KÌ HẠN 5 NĂM



Tháng 4/2014 thị trường trái phiếu sơ cấp huy động được 13.2 ngàn tỷ đồng giảm 62% so với tháng 3. Lãi suất huy động của trái phiếu kỳ hạn 2 năm dao động trong khoảng 5.58-5.69%/năm, trái phiếu 3 năm trong khoảng 6.07-6.90%/năm, 5 năm trong khoảng 7.12-7.80%/năm, 10 năm là 8.70%/năm... Nhìn chung lãi suất giảm 0.40 – 0.41%/năm so với lãi suất huy động tháng 3.

TỶ GIÁ



Tỷ giá và thị trường ngoại hối tháng này tiếp tục ổn định.

THANK YOU

Trưởng phòng Phân tích

Huyền Ngọc Thương

Email: thuong.huynh@vfs.com.vn

Phòng Phân Tích – Cty CP Chứng khoán Nhật Việt

Huyền Ngọc Thương

Phan Minh Đức

Nguyễn Ngọc Thành

Khuyến cáo: Báo cáo này phục vụ cho mục đích tham khảo thông tin, khách hàng không nên xem đây là hướng dẫn mua hoặc bán cổ phiếu. VFS không đảm bảo tính chắc chắn và không chịu trách nhiệm khi khách hàng sử dụng báo cáo cho hoạt động đầu tư của mình.